

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 2052/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến
năm 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế của địa phương; sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực tập trung vào các ngành then chốt để phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời không ngừng hoàn thiện thể chế và cơ chế điều hành, thực hiện mục tiêu phát triển hướng ngoại, mở cửa, chủ động hội nhập, mở rộng giao lưu kinh tế trước hết với các tỉnh Duyên hải Trung Bộ và Tây Nguyên và Tam giác phát triển ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia.

2. Phấn đấu duy trì mục tiêu phát triển kinh tế với tốc độ cao, bền vững nhằm xóa đói giảm nghèo, cải thiện điều kiện vật chất và tinh thần cho nhân dân, phát triển nguồn

nhân lực với cơ cấu chất lượng hợp lý theo ngành và lãnh thổ.

3. Đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm có lợi thế cạnh tranh như công nghiệp hóa dầu, công nghiệp thép, công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản và các ngành dịch vụ có hàm lượng khoa học công nghệ cao để tạo những đột phá trong phát triển có khả năng mang lại hiệu quả lớn, hình thành cơ cấu kinh tế tỉnh là công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Đồng thời đặc biệt chú trọng việc hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội cho các huyện phía Tây của tỉnh và nhân dân vùng ngập lũ, vùng hải đảo.

4. Phát triển kinh tế gắn liền với giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân. Phát triển nguồn nhân lực có chất lượng đảm bảo yêu cầu phát triển trước hết là các ngành công nghiệp then chốt như dầu khí, luyện kim, đóng tàu, các ngành dịch vụ chất lượng cao. Chăm lo phát triển văn hóa, giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực vùng nông thôn miền núi.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp lồng ghép quy hoạch phát triển công nghiệp, đô thị, phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư với các yêu cầu bảo vệ môi trường theo hướng bền vững về mặt sinh thái. Đầu tư đúng mức cho công tác bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, ngăn ngừa ô nhiễm công nghiệp và đô thị, đảm bảo môi trường lao động an toàn.

5. Phát triển kinh tế kết hợp với quốc phòng, an ninh củng cố, xây dựng vững chắc hệ thống chính trị theo hướng không ngừng tăng cường tiềm lực quốc phòng, xây dựng các khu vực phòng thủ cơ bản liên hoàn vững chắc. Đảm bảo thế trận an ninh nhân dân và quốc phòng toàn dân, giữ gìn trật tự và ổn định xã hội, đặc biệt ở các địa bàn trọng điểm, xung yếu.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Mở rộng quan hệ hợp tác, kinh tế đối ngoại, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, đầu tư có trọng tâm vào các ngành có lợi thế so sánh cao nhằm đạt tốc độ tăng

trường kinh tế cao, hiệu quả, bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, tạo nền tảng để trở thành Tỉnh công nghiệp - dịch vụ vào năm 2020.

Tạo đột phá trong phát triển các ngành công nghiệp cơ bản tạo giá trị gia tăng cao, các ngành dịch vụ và nông nghiệp sinh thái chất lượng cao. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao kết hợp với việc tăng cường áp dụng công nghệ tiên tiến, giải quyết việc làm cho người lao động; giảm nhanh số hộ nghèo, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái. Phấn đấu đưa Quảng Ngãi lên vị trí cao về phát triển trong số các Tỉnh thuộc Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung vào năm 2020.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế

- Phấn đấu đạt nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 14% giai đoạn 2011 - 2015; và khoảng 12 - 13% giai đoạn 2016 - 2020. GDP bình quân đầu người của tỉnh tính theo giá năm 2007 đạt khoảng 2.000 - 2.200 USD/người vào năm 2015 và 4.300 - 4.500 USD/người vào năm 2020.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng công nghiệp và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp trong GDP. Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ đạt khoảng 85 - 90% vào năm 2015 và trên 90% năm 2020.

- Hình thành một Trung tâm thương mại lớn tại thành phố Quảng Ngãi và hệ thống siêu thị tại các trung tâm kinh tế lớn của Tỉnh. Đến năm 2020 tỷ trọng dịch vụ trong GDP của tỉnh Quảng Ngãi đạt 32 - 35%.

- Thực hiện các biện pháp tăng nguồn thu và sử dụng hiệu quả vốn thu ngân sách trên địa bàn nhằm nâng tỷ lệ thu ngân sách nhà nước trên GDP từ 13,2% năm 2008 lên 18% vào năm 2020.

b) Về xã hội

- Phấn đấu đến năm 2020 có 99% học sinh tiểu học và trung học cơ sở đi học đúng độ tuổi; có trên 50% trường mầm non, 70% trường tiểu học và 70% các trường trung

học đạt chuẩn quốc gia; 99% các đối tượng trong độ tuổi đều đạt phổ cập trung học cơ sở, 35% trẻ trong độ tuổi đến nhà trẻ, 85% cháu trong độ tuổi đến lớp mẫu giáo, 99% trẻ 5 tuổi được học một năm mẫu giáo chuẩn bị vào lớp 1. Phần đầu đạt chỉ số phát triển con người (HDI) bằng mức bình quân cả nước.

- Hàng năm giải quyết khoảng 35 - 38 ngàn chỗ làm việc thời kỳ 2011 - 2015 và 38 - 42 ngàn chỗ cho thời kỳ 2016 - 2020. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 35% vào năm 2015 và 42% vào năm 2020; lao động nông nghiệp vào các năm tương ứng giảm còn 47% và 40%.

- Nâng thu nhập bình quân đầu người của Tỉnh lên khoảng 1,2 lần so với trung bình toàn quốc vào năm 2020. Giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn theo tiêu chí mới hiện nay xuống dưới 8% năm 2015 và khoảng 6% vào năm 2020.

- Đến năm 2020 có 100% đường giao thông đến các xã và được nhựa hóa, 20 - 30% đường đến các thôn bản được kiên cố hóa. Phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng và các dịch vụ xã hội trên địa bàn, đảm bảo đến năm 2020 có 100% dân cư được sử dụng điện lưới quốc gia, 98% dân cư được dùng nước sạch hợp vệ sinh, 100% dân cư được chăm sóc sức khỏe ban đầu, tỷ lệ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn dưới 5%.

- Thực hiện tốt công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, phần đầu đạt mức tăng dân số bình quân 0,9%/năm thời kỳ 2011 - 2015 và 0,87%/năm thời kỳ 2016 - 2020.

- Phần đầu đạt 100% xã, phường, thị trấn có làng văn hóa, khu phố văn hóa. Thực hiện bình đẳng giới, phát triển hệ thống an sinh xã hội và đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Mở rộng dân chủ, tăng cường đoàn kết dân tộc, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước. Bảo tồn và tôn tạo các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.

c) Về phát triển kinh tế kết hợp với quốc phòng, an ninh.

Thực hiện nhiệm vụ củng cố quốc phòng an ninh, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống và đảm bảo trật tự kỷ cương trong các hoạt động kinh tế - xã hội. Tiềm lực kinh tế, quốc phòng an ninh được tăng cường, củng cố vững chắc hệ thống chính trị giữ vững trật tự an toàn xã hội. Phát triển kinh tế kết hợp với quốc phòng, an ninh,

thích ứng với bối cảnh hội nhập sâu vào khu vực và quốc tế. Xây dựng các khu kinh tế quốc phòng trên đất liền và trên biển đảo.

d) Về sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên kết hợp với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

- Khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, có kế hoạch chuyển đổi mục đích sử dụng đất hợp lý, an toàn về lương thực và bền vững về sinh thái.

- Đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng trên 50%, thu gom và xử lý 95% rác thải sinh hoạt ở đô thị và 65% rác thải sinh hoạt ở nông thôn; 100% chất thải công nghiệp nguy hại, chất thải y tế; thu gom và xử lý khoảng 65% nước thải.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ CÁC SẢN PHẨM CHỦ LỰC

1. Công nghiệp: Khai thác triệt để tiềm năng và lợi thế so sánh của Tỉnh để phát triển công nghiệp với nhịp độ cao, đặc biệt là những lợi thế có được từ Khu kinh tế Dung Quất; tạo bước đột phá trong phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Tỉnh. Phấn đấu nâng tỷ trọng GDP công nghiệp - xây dựng lên 60% vào năm 2020.

- Công nghiệp lọc hóa dầu:

Giai đoạn 2011 - 2015: Phát triển ngành công nghiệp hóa dầu và các sản phẩm từ dầu như khí hóa lỏng (250 ngàn tấn/năm), N-parafin (65 ngàn tấn/năm); sản xuất nhựa polystylen (60 ngàn tấn/năm), sản xuất than đen (50 ngàn tấn/năm); sản xuất chất tẩy rửa công nghiệp (80 ngàn tấn/năm) với tổng đầu tư khoảng 250 triệu USD. Triển khai các dự án LAB, Carbon Black, lốp cao su Radian, sản xuất nhựa PVC, PE. Mở rộng quy mô nhà máy lọc dầu hiện nay đạt công suất 10 triệu tấn và chuẩn bị điều kiện để phát triển mới tổ hợp lọc hóa dầu tại Dung Quất.

Giai đoạn 2016 - 2020: Phát triển tổ hợp lọc dầu mới, nâng tổng giá trị các sản phẩm hóa dầu lên 1,5 - 2,0 lần so với năm 2015 và giá trị gia tăng của phân ngành lên 3 lần so với năm 2015.

- Công nghiệp gia công kim loại, đóng tàu và điện tử tin học: